

BỘ CÔNG AN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 104/2026/TT-BCA

Hà Nội, ngày 26 tháng 6 năm 2026

THÔNG TƯ

Quy định về công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng

Căn cứ Bộ luật Hình sự số 100/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 12/2017/QH14, Luật số 59/2024/QH14, Luật số 86/2025/QH15;

Căn cứ Bộ luật Tố tụng Hình sự số 101/2015/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 02/2021/QH15, Luật số 34/2024/QH15, Luật số 59/2024/QH15, Luật số 99/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thi hành án hình sự số 127/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 231/2026/NĐ-CP của Chính phủ quy định về quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng;

Căn cứ Nghị định số 02/2025/NĐ-CP của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 11/2025/NĐ-CP;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng,

Bộ trưởng Bộ Công an ban hành Thông tư quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Thông tư này quy định thực hiện trình tự, thủ tục thi hành án hình sự tại cộng đồng gồm: thi hành án treo, cảnh cáo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định; thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện; trách nhiệm của Công an các đơn vị, địa phương trong công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 2. Kinh phí thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Kinh phí thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng trong Công an nhân dân được bố trí trong dự toán ngân sách hằng năm của Bộ Công an giao cho Công an các đơn vị, địa phương.

2. Công an các đơn vị, địa phương chủ động tham mưu với chính quyền địa phương bố trí kinh phí từ ngân sách địa phương hoặc huy động từ các nguồn kinh phí hợp pháp khác theo quy định của pháp luật để thực hiện công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Chương II

THỰC HIỆN TRÌNH TỰ, THỦ TỤC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 3. Tiếp nhận bản án, quyết định, hồ sơ, tài liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng, người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh tiếp nhận bản án, quyết định của Tòa án; chứng nhận chấp hành xong án phạt tù và các tài liệu có liên quan (nếu có) của trại giam, trại tạm giam, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

Ngay sau khi nhận được bản án, quyết định, hồ sơ, tài liệu, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải kiểm tra, vào sổ theo dõi, ghi rõ ngày nhận. Nếu phát hiện lỗi về chính tả, sai về thông tin trong bản án, quyết định của Tòa án thì có văn bản đề nghị Tòa án đã ra bản án, quyết định chỉnh sửa, bổ sung. Nếu thiếu tài liệu hoặc tài liệu không đảm bảo thì yêu cầu cơ quan, đơn vị đã gửi, bàn giao hồ sơ, tài liệu cung cấp bổ sung.

2. Công an cấp xã thực hiện tiếp nhận quyết định, hồ sơ, tài liệu thi hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 5 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

Ngay sau khi nhận được tài liệu, hồ sơ, phải vào sổ theo dõi, ghi rõ ngày nhận. Trưởng Công an cấp xã ra quyết định phân công cán bộ Công an cấp xã thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng; lập kế hoạch quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định tại Điều 7 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

3. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã thực hiện việc tiếp nhận người có án phạt quản chế, người được tạm đình chỉ theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

Điều 4. Hồ sơ thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Hồ sơ thi hành án hình sự tại cộng đồng gồm hồ sơ thi hành án và hồ sơ thi hành quyết định (*gọi chung là hồ sơ thi hành án*) như sau:

a) Hồ sơ thi hành án treo quy định tại khoản 3 Điều 80 Luật Thi hành án hình sự;

b) Hồ sơ thi hành án phạt cải tạo không giam giữ quy định tại khoản 2 Điều 93 Luật Thi hành án hình sự;

c) Hồ sơ thi hành án phạt cấm cư trú quy định tại khoản 4 Điều 104 Luật Thi hành án hình sự;

d) Hồ sơ thi hành án phạt quản chế quy định tại khoản 3 Điều 109 Luật Thi hành án hình sự;

đ) Hồ sơ thi hành án phạt tước một số quyền công dân quy định tại khoản 4 Điều 123 Luật Thi hành án hình sự;

e) Hồ sơ thi hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định quy định tại khoản 3 Điều 127 Luật Thi hành án hình sự.

g) Hồ sơ thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù quy định tại

khoản 3 Điều 19 Luật Thi hành án hình sự;

h) Hồ sơ thi hành quyết định tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù quy định tại khoản 5 Điều 33 Luật Thi hành án hình sự;

i) Hồ sơ quản lý người được tha tù trước thời hạn có điều kiện quy định tại khoản 1 Điều 58 Luật Thi hành án hình sự.

2. Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh lập hồ sơ thi hành án quy định tại khoản 1 Điều này và bàn giao hồ sơ cho Công an cấp xã đảm bảo đúng thời hạn quy định của Luật Thi hành án hình sự.

Đối với án treo, cải tạo không giam giữ, nếu có căn cứ xác định người chấp hành án đã thay đổi nơi cư trú, không còn cư trú tại nơi chấp hành án thì Công an cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án để ủy thác thi hành án hoặc trả lại ủy thác; tạm thời chưa lập hồ sơ thi hành án cho đến khi có quyết định của Tòa án.

3. Công an cấp xã tiếp nhận hồ sơ thi hành án do cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh bàn giao; quản lý, cập nhật, bổ sung các tài liệu phát sinh vào hồ sơ và thực hiện bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh khi kết thúc thi hành án hoặc khi người chấp hành án thay đổi nơi cư trú.

4. Việc lập, đăng ký, tiếp nhận, quản lý, cập nhật, bổ sung thông tin, tài liệu vào hồ sơ thi hành án hình sự tại cộng đồng thực hiện theo các hình thức thủ công, truyền thống hoặc qua môi trường điện tử, số hoá theo quy định của Bộ Công an về công tác hồ sơ nghiệp vụ Công an nhân dân.

Điều 5. Thực hiện triệu tập người chấp hành án hình sự tại cộng đồng để làm thủ tục thi hành án và cam kết chấp hành án

1. Đối với người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án hoặc hồ sơ thi hành án của cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã thực hiện triệu tập người chấp hành án như sau:

a) Công an cấp xã gửi thông báo triệu tập người chấp hành án, người đại diện trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi. Thông báo phải nêu rõ thời gian người được triệu tập phải có mặt, địa điểm làm việc, nội dung công việc mà người chấp hành án cần chuẩn bị để làm việc (nếu có); hậu quả của việc người chấp hành án không có mặt đúng thời hạn triệu tập;

b) Thành phần làm việc với người chấp hành án gồm: đại diện chỉ huy Công an cấp xã (Chủ trì), người đại diện của người chấp hành án trong trường hợp người chấp hành án là người dưới 18 tuổi, cán bộ Công an cấp xã được phân công quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án (Thư ký). Trường hợp cần thiết, Công an cấp xã có thể mời đại diện cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, đại diện khu dân cư nơi người chấp hành án cư trú, đại diện cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án làm việc, học tập tham dự;

c) Nội dung buổi làm việc và cam kết chấp hành án thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 6 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP;

d) Trường hợp người chấp hành án không có mặt đúng thời hạn triệu tập Công an cấp xã phải tiến hành xác minh và xử lý như sau:

Trường hợp người chấp hành án không có mặt đúng thời hạn triệu tập do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan thì Công an cấp xã tiếp tục triệu tập người chấp hành án đến trụ sở ngay sau khi hết tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Trường hợp người chấp hành án đã thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo khoản 2 Điều 4 Thông tư này.

Trường hợp người được hưởng án treo không có mặt theo giấy triệu tập hoặc không cam kết thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Thi hành án hình sự.

Trường hợp người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ không có mặt theo giấy triệu tập hoặc không cam kết thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và xử lý theo quy định của pháp luật.

2. Đối với người chấp hành án phạt cấm cư trú: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng nhận chấp hành xong án phạt tù hoặc hồ sơ thi hành án, Công an cấp xã triệu tập người chấp hành án đến trụ sở, yêu cầu cam kết việc chấp hành án; thực hiện theo điểm a, b, c khoản 1 Điều này. Trường hợp người chấp hành án không có mặt theo yêu cầu triệu tập, Công an cấp xã lập biên bản xử lý vi phạm nghĩa vụ và phối hợp với các cơ quan, đơn vị có liên quan để thực hiện việc cam kết chấp hành án.

3. Đối với người chấp hành án phạt quản chế: ngay sau khi tiếp nhận người có án phạt quản chế tại trụ sở Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải yêu cầu người chấp hành án phạt quản chế cam kết việc chấp hành án và giao ngay người đó cho Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã để quản lý, kiểm soát, giáo dục người chấp hành án.

4. Đối với người chấp hành án phạt cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được chứng nhận chấp hành xong án phạt tù hoặc hồ sơ thi hành án, Công an cấp xã triệu tập người chấp hành án đến trụ sở để phổ biến và yêu cầu người chấp hành án chấp hành nghĩa vụ (không phải cam kết chấp hành án).

5. Đối với người được hoãn chấp hành án phạt tù: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được quyết định hoặc hồ sơ thi hành quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, Công an cấp xã triệu tập người được hoãn đến trụ sở để thông báo quyết định và yêu cầu người đó cam kết bằng văn bản chấp hành nghiêm nghĩa vụ của người được hoãn; thực hiện theo điểm a, b, c khoản 1 Điều này.

Trường hợp người được hoãn vì lý do bệnh nặng đang điều trị tại cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc tại nhà mà không thể có mặt theo yêu cầu triệu tập thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phối hợp với Công an cấp xã và cơ sở khám bệnh, chữa bệnh nơi điều trị, gia đình người được hoãn để làm thủ tục thông báo và cam kết chấp hành nghĩa vụ.

Trường hợp người được hoãn không có mặt theo giấy triệu tập (trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) hoặc không cam kết thì Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và xử lý theo quy định tại khoản 2 Điều 19 Luật Thi hành án hình sự.

6. Đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện: Khi người được tha tù trước thời hạn có điều kiện tự trình diện theo giấy chứng nhận tha tù trước thời hạn có điều kiện, Công an cấp xã thực hiện các nội dung tại điểm b, c khoản 1 Điều này.

Trường hợp hết thời hạn 05 ngày kể từ ngày được tha tù trước thời hạn có điều kiện mà người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không trình diện, Công an cấp xã triệu tập người đó đến trụ sở để cam kết việc chấp hành nghĩa vụ; thực hiện theo điểm a, b, c khoản 1 Điều này. Trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện không có mặt theo đúng thời hạn triệu tập (trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan) hoặc không cam kết thì Công an cấp xã, đơn vị quân đội lập biên bản vi phạm nghĩa vụ và xử lý theo quy định.

7. Sau khi triệu tập người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, Công an cấp xã thực hiện việc phân công người tham gia quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án theo quy định tại khoản 5 Điều 12 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

Điều 6. Thực hiện quản lý cư trú đối với người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

1. Công an cấp xã hướng dẫn người chấp hành án thực hiện đăng ký thường trú, tạm trú theo quy định của pháp luật về cư trú; cập nhật thông tin người chấp hành án vào cơ sở dữ liệu Quốc gia về dân cư.

2. Việc giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng

a) Đối với người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện: ngay sau khi nhận được đơn xin vắng mặt tại nơi cư trú của người chấp hành án, Trưởng Công an cấp xã phải xem xét, ra quyết định về việc giải quyết đơn xin vắng mặt tại nơi cư trú; quyết định phải nêu rõ đồng ý hay không đồng ý, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do;

Đối với người chấp hành án phạt quản chế có đơn xin đi khỏi nơi quản chế: Trưởng Công an cấp xã xem xét, cấp giấy phép đi lại trong phạm vi cấp tỉnh nơi quản chế; báo cáo Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để xem xét, cấp giấy phép đi ra ngoài phạm vi cấp tỉnh nơi quản chế;

b) Khi xem xét giải quyết cho người chấp hành án vắng mặt tại nơi cư trú, Công an cấp xã phải căn cứ vào lý do xin vắng mặt tại nơi cư trú, tình hình, kết quả chấp hành án và yêu cầu quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án. Khi người chấp hành án được giải quyết vắng mặt tại nơi cư trú, Công an cấp xã phải giải thích và hướng dẫn họ về việc thực hiện các thủ tục khai báo tạm vắng,

đăng ký tạm trú và chấp hành pháp luật, chấp hành nghĩa vụ của người chấp hành án trong thời gian vắng mặt tại nơi cư trú; khi trở về, yêu cầu người chấp hành án phải nộp bản xác nhận của Công an cấp xã nơi tạm trú, lưu trú;

c) Người chấp hành án đi khỏi nơi cư trú không xin phép, báo cáo thì Công an cấp xã phải phối hợp với gia đình để xác minh và giải quyết, xử lý theo quy định.

3. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng thay đổi nơi cư trú

a) Trường hợp người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có nguyện vọng xin thay đổi nơi cư trú: thực hiện theo quy định tại Thông tư số 51/2026/TT-BCA ngày 14 tháng 5 năm 2026 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về giải quyết trường hợp người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người được hoãn chấp hành án phạt tù, người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ thay đổi nơi cư trú;

b) Trường hợp người chấp hành án phạt quản chế buộc phải thay đổi nơi cư trú vì lý do bất khả kháng như không còn nơi cư trú, buộc phải chuyển đến nơi cư trú để có người chăm sóc, nuôi dưỡng và các trường hợp khác thì Công an cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để báo cáo Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an xem xét, quyết định. Căn cứ ý kiến của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an, Trưởng Công an cấp xã, Thủ trưởng cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra quyết định giải quyết thay đổi nơi cư trú tùy theo trường hợp người chấp hành án thay đổi trong hoặc ngoài phạm vi đơn vị hành chính cấp tỉnh. Trường hợp được thay đổi nơi cư trú thì áp dụng theo khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 51/2026/TT-BCA;

c) Trường hợp người chấp hành án phạt cấm cư trú, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định đã thay đổi nơi cư trú thì thực hiện áp dụng khoản 1 Điều 4 và khoản 2 Điều 5 Thông tư số 51/2026/TT-BCA.

4. Việc giải quyết trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng làm việc, học tập ngoài nơi cư trú

a) Trường hợp người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người chấp hành án phạt quản chế, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có đơn xin phép làm việc, học tập ngoài nơi cư trú, Công an cấp xã tiếp nhận đơn và kế hoạch lao động, hợp đồng lao động, chương trình học tập có xác nhận của cơ quan, tổ chức, cá nhân nơi người chấp hành án làm việc, học tập. Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được đơn, Trưởng Công an cấp xã phải tiến hành xác minh, ra quyết định giải quyết đơn xin học tập, làm việc ngoài nơi cư trú, trong đó phải nêu rõ đồng ý hoặc không đồng ý, trường hợp không đồng ý phải nêu rõ lý do. Trường hợp đồng ý thì gửi cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã nơi người đó đến

làm việc, học tập và người chấp hành án;

b) Thời hạn giải quyết người chấp hành án hình sự tại cộng đồng làm việc, học tập ngoài nơi cư trú theo thời hạn trong hợp đồng lao động, thời hạn theo kỳ hoặc khoá học;

c) Công an cấp xã nơi người chấp hành án đến làm việc, học tập (nơi đến) có trách nhiệm phối hợp với Công an cấp xã được giao quản lý, giám sát, giáo dục (nơi đi), cơ quan, tổ chức nơi người chấp hành án học tập, làm việc để thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án.

Khi người chấp hành án đến trình báo, Công an cấp xã nơi đến phải phổ biến, quán triệt và yêu cầu người chấp hành án nghiêm chỉnh chấp hành nghĩa vụ, chấp hành pháp luật, quy định của cơ quan, tổ chức nơi học tập, làm việc và của địa phương nơi đến tạm trú, lưu trú; thực hiện thủ tục đăng ký tạm trú, lưu trú theo quy định của pháp luật cư trú. Hết thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày ra quyết định giải quyết đơn xin học tập, làm việc ngoài nơi cư trú mà người chấp hành án chưa đến trình báo, Công an cấp xã nơi đến phải yêu cầu người chấp hành án trình báo tại Công an cấp xã nơi đến.

Trường hợp người chấp hành án vi phạm pháp luật, Công an cấp xã nơi đến phải thông báo ngay cho Công an cấp xã nơi đi để phối hợp giải quyết.

Khi kết thúc hợp đồng lao động, chương trình học tập, Công an cấp xã nơi người chấp hành án học tập, làm việc (nơi đến) yêu cầu người chấp hành án nộp bản báo cáo việc chấp hành pháp luật, chấp hành nghĩa vụ và xác nhận vào bản báo cáo của người chấp hành án; yêu cầu người chấp hành án trở về nơi cư trú, nộp bản báo cáo cho Công an cấp xã được giao quản lý, giám sát, giáo dục.

5. Công an các đơn vị, địa phương thực hiện thủ tục đăng ký tạm hoãn xuất cảnh, chưa được xuất cảnh đối với người chấp hành án theo quy định của pháp luật và của Bộ Công an.

6. Việc điểm danh, kiểm diện người chấp hành án hình sự tại cộng đồng thực hiện theo Điều 10 Nghị định 231/2026/NĐ-CP.

Điều 7. Thực hiện nhận xét, báo cáo trong quá trình chấp hành án

1. Việc tiếp nhận báo cáo của người chấp hành án hình sự tại cộng đồng thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 8 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

2. Việc nhận xét, báo cáo của Công an cấp xã về thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

3. Tiêu chí đánh giá, phân loại người chấp hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định tại khoản 2 Điều 8 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP, trong đó:

a) Đối với xếp loại Tốt: tiêu chí “lập công được khen thưởng” là bắt buộc;

b) Đối với xếp loại Khá: phải có đủ tiêu chí “Chấp hành đúng quy định của pháp luật, quy định của địa phương, nghĩa vụ của người chấp hành án; tích cực, hăng hái trong học tập, lao động và tham gia vào các hoạt động xã hội”;

c) Đối với xếp loại Trung bình: phải có văn bản làm căn cứ xác định có một trong hai tiêu chí: “Chấp hành đúng quy định của pháp luật, quy định của địa phương nhưng không tích cực tham gia học tập, lao động” hoặc “vi phạm nghĩa vụ của người chấp hành án mà bị nhắc nhở”;

d) Đối với xếp loại Kém: phải có văn bản làm căn cứ xác định một trong hai tiêu chí: “Vi phạm nghĩa vụ bị lập biên bản, vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính hoặc hình sự” hoặc “không chấp hành yêu cầu quản lý, giám sát, giáo dục của cơ quan thi hành án hình sự, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã”.

Điều 8. Triệu tập người chấp hành án hình sự tại cộng đồng trong thời gian chấp hành án

1. Trong thời gian chấp hành án, khi có yêu cầu phục vụ quản lý, giám sát, giáo dục, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã triệu tập người chấp hành án hình sự tại cộng đồng đến trụ sở để làm việc. Việc triệu tập phải được thực hiện bằng văn bản. Kết thúc buổi làm việc phải tiến hành lập biên bản và lưu hồ sơ thi hành án.

2. Trường hợp người chấp hành án không có mặt theo giấy triệu tập mà không có lý do chính đáng hoặc không chấp hành yêu cầu trong quá trình làm việc thì tùy theo tính chất, mức độ để tiến hành việc nhắc nhở, lập biên bản vi phạm nghĩa vụ hoặc xử phạt vi phạm hành chính.

Điều 9. Thực hiện việc giảm, miễn thời hạn chấp hành án hình sự tại cộng đồng

Việc rút ngắn thời gian thử thách đối với người được hưởng án treo, rút ngắn thời gian thử thách đối với người được tha tù trước thời hạn có điều kiện; giảm, miễn thời hạn chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ; miễn chấp hành thời hạn cấm cư trú, quản chế còn lại thực hiện theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và hướng dẫn của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an.

Điều 10. Thực hiện việc xử lý trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật, phạm tội mới

1. Người chấp hành án vi phạm nghĩa vụ thì Công an cấp xã phải lập biên bản vi phạm. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm Công an cấp xã ra quyết định xử lý vi phạm hoặc đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh xử lý theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và pháp luật có liên quan.

2. Người chấp hành án vi phạm pháp luật bị xử phạt vi phạm hành chính thì Công an cấp xã lưu quyết định xử phạt vi phạm hành chính và các tài liệu có liên quan (nếu có) vào hồ sơ thi hành án để làm cơ sở đánh giá, nhận xét việc chấp hành án.

3. Người chấp hành án bị áp dụng biện pháp xử lý hành chính đưa vào cơ sở giáo dục bắt buộc, trường giáo dưỡng, cơ sở cai nghiện bắt buộc thì Công an cấp xã phối hợp cơ quan đó để quản lý, giám sát, giáo dục họ.

4. Người chấp hành án bị khởi tố bị can nhưng chưa bị tạm giam thì cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã phối hợp với cơ quan

có thẩm quyền tiến hành tố tụng đang thụ lý vụ án để phục vụ việc quản lý, giám sát, giáo dục họ. Trường hợp bị kết án phạt tù, tử hình thì Công an cấp xã bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để làm thủ tục kết thúc, nộp lưu hồ sơ theo quy định. Trường hợp không bị kết án phạt tù, tử hình thì tiếp tục tổ chức thi hành án theo quy định.

5. Người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế vi phạm nghĩa vụ đã bị xử lý nhưng vẫn cố tình vi phạm thì Công an cấp xã đề nghị cơ quan có thẩm quyền truy cứu trách nhiệm hình sự về tội không chấp hành bản án quy định tại Điều 380 Bộ luật Hình sự.

6. Việc thực hiện kiểm điểm người được hưởng án treo, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện vi phạm nghĩa vụ, vi phạm pháp luật thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

Điều 11. Việc khấu trừ thu nhập và thực hiện lao động phục vụ cộng đồng của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ

1. Công an cấp xã lưu văn bản, tài liệu chứng minh việc thực hiện khấu trừ thu nhập của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ làm căn cứ đánh giá, phân loại việc chấp hành án.

2. Việc thực hiện lao động phục vụ cộng đồng của người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ: Công an cấp xã yêu cầu người chấp hành án viết bản báo cáo về tình trạng không có hoặc mất việc làm và phối hợp với các cơ quan, đơn vị, tổ chức kiểm tra, xác minh làm căn cứ xác định tình trạng không có việc làm hoặc mất việc làm. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày người chấp hành án được xác định là không có việc làm hoặc bị mất việc làm, Công an cấp xã báo cáo và tham mưu Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, quyết định; tổ chức thực hiện giám sát người chấp hành án thực hiện một số công việc lao động phục vụ cộng đồng theo quyết định của Ủy ban nhân dân cấp xã. Quyết định phải nêu rõ loại công việc, thời gian lao động phục vụ cộng đồng dự kiến buộc người chấp hành án phải thực hiện.

Ngay sau khi người chấp hành án có việc làm, Công an cấp xã báo cáo Ủy ban nhân dân cấp xã để ra quyết định chấm dứt việc lao động phục vụ cộng đồng.

Điều 12. Thực hiện buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo; huỷ quyết định hoãn, tạm đình chỉ, tha tù trước thời hạn có điều kiện

1. Thực hiện buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo

a) Trường hợp buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo quy định tại khoản 1 Điều 89 Luật Thi hành án hình sự: ngay sau khi lập biên bản vi phạm, Công an cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải có văn bản đề nghị Toà án khu vực quyết định buộc người đó phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

b) Trường hợp buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án

treo quy định tại khoản 2 Điều 89 Luật Thi hành án hình sự: ngay sau khi lập biên bản nhắc nhở (sau khi đã kiểm điểm), Công an cấp xã phải báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

Trường hợp người được hưởng án treo bỏ đi khỏi nơi cư trú không xin phép, Công an cấp xã lập biên bản vi phạm nghĩa vụ, nhắc nhở bằng văn bản và triệu tập người được hưởng án treo đến làm việc nhưng họ vẫn không có mặt thì thực hiện kiểm điểm vắng mặt và lập biên bản kiểm điểm vắng mặt. Sau khi kiểm điểm, Công an cấp xã tiếp tục triệu tập người được hưởng án treo đến làm việc mà họ vẫn không có mặt thì lập biên bản và nhắc nhở bằng văn bản, tiếp tục triệu tập nhưng họ vẫn không có mặt thì Công an cấp xã lập biên bản xác nhận sự vắng mặt và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh lập hồ sơ và có văn bản đề nghị Tòa án khu vực xem xét, quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo;

c) Hồ sơ đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thực hiện theo khoản 3 Điều 89 Luật Thi hành án hình sự;

d) Việc thi hành quyết định của Tòa án về buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo thực hiện theo khoản 5 Điều 89 Luật Thi hành án hình sự.

2. Thực hiện huỷ quyết định hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

a) Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội: ngay sau khi có căn cứ xác định người được hoãn, tạm đình chỉ thực hiện hành vi phạm tội mới, bỏ trốn hoặc vi phạm pháp luật gây ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự, an toàn xã hội, Công an cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh (kèm theo các tài liệu có liên quan). Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ xem xét huỷ quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù. Ngay sau khi nhận được quyết định huỷ của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thủ tục đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đi chấp hành án phạt tù;

b) Trường hợp kết quả giám định xác định người được hoãn, tạm đình chỉ đã phục hồi sức khỏe thì trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đi chấp hành án phạt tù, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thông báo cho Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ để ra quyết định huỷ quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù;

c) Trường hợp kết quả giám định xác định người được hoãn, tạm đình chỉ đang mắc bệnh tâm thần, bệnh khác làm mất khả năng nhận thức hoặc khả năng điều khiển hành vi: ngay sau khi nhận được kết quả giám định, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định hoãn,

tạm đình chỉ hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ và quyết định áp dụng biện pháp tư pháp bắt buộc chữa bệnh. Ngay sau khi nhận được quyết định huỷ của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thủ tục đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đi bắt buộc chữa bệnh;

d) Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ từ chối yêu cầu xác định tình trạng bệnh của cơ quan có thẩm quyền mà không có lý do chính đáng thì Công an cấp xã, lập biên bản và báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh có văn bản đề nghị Tòa án đã ra quyết định hoãn, tạm đình chỉ hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ. Ngay sau khi nhận được quyết định của Tòa án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thực hiện thủ tục đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đi chấp hành án phạt tù;

đ) Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ bỏ trốn, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt;

e) Sau khi đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đi chấp hành án hoặc bắt buộc chữa bệnh, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh kết thúc, nộp lưu hồ sơ thi hành quyết định hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù.

3. Thực hiện huỷ quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện

a) Ngay sau khi lập biên bản vi phạm nghĩa vụ lần 02 quy định tại khoản 1 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự hoặc nhận được quyết định xử phạt vi phạm hành chính lần 02 trở lên quy định tại khoản 2 Điều 68 Luật Thi hành án hình sự, Công an cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh (gửi kèm các biên bản vi phạm, quyết định xử phạt);

b) Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh lập hồ sơ chuyên đến Tòa án đã ra quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện để xem xét, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện, đồng thời gửi 01 bộ hồ sơ đến Viện kiểm sát cùng cấp với Tòa án;

c) Hồ sơ đề nghị hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo khoản 1 Điều 70 Luật Thi hành án hình sự;

d) Việc thi hành quyết định hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện thực hiện theo khoản 3 Điều 70 Luật Thi hành án hình sự.

Điều 13. Giải quyết trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng chết

1. Trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng chết, Công an cấp xã báo cáo và bàn giao hồ sơ cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

2. Trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được báo cáo của Công an cấp xã, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải thông báo cho Tòa án đã ra quyết định thi hành án biết để ra quyết định đình chỉ thi hành án. Sau khi nhận được quyết định đình chỉ thi hành án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh làm thủ tục kết thúc, nộp lưu hồ sơ thi hành án.

Điều 14. Thực hiện thủ tục kết thúc thi hành án hình sự tại cộng đồng

1. Cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt cho người được hưởng án treo, người được tha tù trước thời hạn có điều kiện, người chấp hành án phạt cải tạo không giam giữ, cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định.

a) 03 ngày trước khi chấp hành xong án phạt hoặc ngay sau khi nhận được quyết định giảm, miễn hết thời hạn chấp hành án, Công an cấp xã có văn bản báo cáo tình hình, kết quả chấp hành án của người chấp hành án và bàn giao hồ sơ thi hành án cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh.

Vào ngày cuối cùng của thời hạn chấp hành án hoặc ngày quyết định miễn, giảm hết thời hạn chấp hành án có hiệu lực pháp luật, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt cho người chấp hành án và gửi cho: Tòa án đã ra quyết định thi hành án, Viện kiểm sát có thẩm quyền, Ủy ban nhân dân cấp xã, Công an cấp xã được giao quản lý, giám sát, giáo dục người chấp hành án;

b) Cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh chưa cấp giấy chứng nhận chấp hành xong án phạt trong các trường hợp sau:

Người chấp hành án treo, cải tạo không giam giữ, tha tù trước thời hạn có điều kiện bỏ đi khỏi địa phương không xin phép, báo cáo cho đến khi người chấp hành án trở về địa phương. Trong trường hợp này, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh phải phối hợp với Công an cấp xã để xác minh, làm rõ trong thời gian chấp hành án, người chấp hành án bỏ đi khỏi nơi cư trú có vi phạm pháp luật hình sự hay không để làm căn cứ cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt.

Người chấp hành án đang bị cơ quan, người có thẩm quyền xử lý vì hành vi vi phạm pháp luật hình sự cho đến khi có kết luận của cơ quan có thẩm quyền xác định người chấp hành án không vi phạm pháp luật hình sự.

Người chấp hành án treo, tha tù trước thời hạn có điều kiện đang bị đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện cho đến khi nhận được quyết định của Tòa án có thẩm quyền không chấp nhận đề nghị buộc chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo, hủy quyết định tha tù trước thời hạn có điều kiện;

c) Sau khi cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh làm thủ tục kết thúc, nộp lưu hồ sơ theo quy định.

2. Việc thi hành án phạt tù đối với người được hoãn chấp hành án phạt tù, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù

a) Trường hợp tự giác đi chấp hành án khi chưa hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ: Công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận người được hoãn, tạm đình chỉ khi họ đến trình diện xin đi chấp hành án và tiến hành đưa người được hoãn chấp hành án phạt tù đến cơ sở giam giữ;

b) Trường hợp hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ: Công an cấp xã phải kiểm tra, rà soát các trường hợp sắp hết thời hạn được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành

án phạt tù để củng cố hồ sơ; yêu cầu tự nguyện đi chấp hành án.

Khi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đến trình diện, Công an cấp xã lập biên bản tiếp nhận và đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đến cơ sở giam giữ. Sau thời hạn 07 ngày kể từ ngày hết thời hạn hoãn, tạm đình chỉ mà người được hoãn, tạm đình chỉ không có mặt để thực hiện thủ tục đi chấp hành án thì Trưởng Công an cấp xã ra quyết định áp giải và đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đến cơ sở giam giữ, trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan.

Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đang được xem xét giải quyết tiếp tục cho hoãn, tạm đình chỉ thì tạm ngừng việc thi hành án phạt tù cho đến khi có quyết định của Tòa án;

c) Trường hợp bị huỷ quyết định hoãn, tạm đình chỉ, buộc chấp hành án phạt tù theo quyết định của Tòa án: ngay sau khi nhận được quyết định huỷ của Tòa án, Công an cấp xã yêu cầu người được hoãn, tạm đình chỉ đến trụ sở, lập biên bản tiếp nhận và đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đến cơ sở giam giữ. Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ không có mặt theo yêu cầu triệu tập, Trưởng Công an cấp xã ra quyết định áp giải và đưa người được hoãn, tạm đình chỉ đến cơ sở giam giữ, trừ trường hợp do tình trạng khẩn cấp, lý do bất khả kháng hoặc trở ngại khách quan;

d) Trường hợp người được hoãn, tạm đình chỉ bỏ trốn, Công an cấp xã báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để ra quyết định truy nã và tổ chức truy bắt;

đ) Cơ sở giam giữ có trách nhiệm tiếp nhận người được hoãn, tạm đình chỉ tại điểm a, b, c Khoản này; báo cáo cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh để làm thủ tục thi hành án phạt tù;

e) Sau khi người được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù đi chấp hành án phạt tù, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh làm thủ tục kết thúc, nộp lưu hồ sơ theo chế độ hồ sơ nghiệp vụ của Bộ Công an.

Điều 15. Thực hiện thủ tục thi hành án trong một số trường hợp đặc biệt

1. Việc thi hành án phạt cảnh cáo quy định tại Điều 91 Luật Thi hành án hình sự: cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã báo cáo, thống kê án phạt cảnh cáo trong báo cáo, thống kê thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Trường hợp người chấp hành án đồng thời phải chấp hành nhiều loại án phạt khác nhau

a) Người chấp hành án đồng thời phải chấp hành nhiều loại án phạt khác nhau thì tổ chức thi hành đối với từng án phạt riêng theo quy định của Luật Thi hành án hình sự;

b) Người được hưởng án treo đồng thời phải chấp hành án phạt tù thì Công an cấp xã phối hợp với cơ sở giam giữ nơi quản lý người chấp hành án để thực hiện quản lý, giám sát, giáo dục. Trường hợp hết thời gian thử thách mà chưa chấp hành xong án phạt tù thì thực hiện cấp chứng nhận chấp hành xong

thời gian thử thách và thông báo cho cơ sở giam giữ nơi phạm nhân chấp hành án. Trường hợp chấp hành xong án phạt tù mà chưa hết thời gian thử thách thì tiếp tục tổ chức thi hành án treo;

c) Người được tha tù trước thời hạn có điều kiện có hình phạt bổ sung là cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định thì tổ chức thi hành án phạt cấm cư trú, quản chế, tước một số quyền công dân, cấm đảm nhiệm chức vụ, cấm hành nghề hoặc làm công việc nhất định ngay sau khi chấp hành xong thời gian thử thách và được cấp chứng nhận chấp hành xong án phạt tù.

3. Trường hợp người chấp hành án hình sự tại cộng đồng là người nước ngoài thực hiện quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

4. Đối với các trường hợp bản án, quyết định thi hành án do Tòa án quân sự chuyển đến hoặc các trường hợp đang chấp hành án mà cơ quan thi hành án hình sự cấp quân khu bàn giao, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã tiếp nhận và tổ chức thi hành án theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Thông tư này.

5. Trường hợp có quyết định hủy bản án đang thi hành: trong thời hạn 07 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hủy bản án, cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh thông báo và yêu cầu Công an cấp xã bàn giao hồ sơ thi hành án và thực hiện các thủ tục theo nội dung nêu trong quyết định hủy bản án.

Chương III

TRÁCH NHIỆM CỦA CÔNG AN CÁC ĐƠN VỊ, ĐỊA PHƯƠNG TRONG CÔNG TÁC THI HÀNH ÁN HÌNH SỰ TẠI CỘNG ĐỒNG

Điều 16. Trách nhiệm của các đơn vị trực thuộc Bộ Công an

1. Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng là đầu mối giúp Bộ trưởng thực hiện quản lý nhà nước về thi hành án hình sự tại cộng đồng trên phạm vi toàn quốc, có trách nhiệm:

a) Tham mưu xây dựng, ban hành và tổ chức thực hiện các văn bản về cơ chế, chính sách, pháp luật về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

b) Chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra Công an các đơn vị, địa phương về công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng;

c) Tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật thi hành án hình sự tại cộng đồng;

d) Tổ chức tập huấn pháp luật, nghiệp vụ về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

đ) Báo cáo, thống kê về thi hành án hình sự tại cộng đồng của Bộ Công an, Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an; hướng dẫn Công an các đơn vị, địa phương thực hiện báo cáo, thống kê công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng;

e) Triển khai ứng dụng công nghệ thông tin, quản lý cơ sở dữ liệu phục vụ quản lý nhà nước về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

g) In ấn, cấp phát biểu mẫu, sổ về thi hành án hình sự tại cộng đồng;

h) Thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Cơ quan quản lý thi hành án hình sự Bộ Công an trong thi hành án hình sự tại cộng đồng;

i) Thực hiện các nhiệm vụ khác trong thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Các đơn vị trực thuộc Bộ Công an theo chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao có trách nhiệm phối hợp với Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng; chỉ đạo, hướng dẫn hệ lực lượng ở Công an các địa phương thực hiện nhiệm vụ về thi hành án hình sự tại cộng đồng và phối hợp với lực lượng Cảnh sát thi hành án hình sự và hỗ trợ tư pháp trong thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng.

Điều 17. Trách nhiệm của Công an các địa phương

1. Công an cấp tỉnh tham mưu với Ủy ban nhân dân cùng cấp thực hiện thi hành án hình sự tại cộng đồng trên địa bàn; thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 20 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP.

2. Công an cấp xã thực hiện nhiệm vụ quy định tại Điều 21 Nghị định số 231/2026/NĐ-CP; tổ chức thực hiện công tác thi hành án hình sự tại cộng đồng theo quy định của Luật Thi hành án hình sự và Thông tư này.

Điều 18. Trách nhiệm của trại giam, trại tạm giam

1. Gửi các loại giấy tờ, tài liệu khi phạm nhân có hình phạt bổ sung cho cơ quan thi hành án hình sự Công an cấp tỉnh, Công an cấp xã nơi phạm nhân chấp hành xong án phạt tù về cư trú để tổ chức thi hành án hình sự tại cộng đồng.

2. Bàn giao người được tạm đình chỉ chấp hành án phạt tù, người có án phạt quản chế; hồ sơ phạm nhân của người được tha tù trước thời hạn có điều kiện theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 19. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 7 năm 2026.

2. Thông tư số 65/2019/TT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về thi hành án hình sự tại cộng đồng và Thông tư số 66/2019/TT-BCA ngày 28 tháng 11 năm 2019 của Bộ trưởng Bộ Công an quy định về báo cáo, thống kê thi hành án hình sự tại cộng đồng hết hiệu lực kể từ ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành.

Điều 20. Trách nhiệm thi hành

1. Thủ trưởng đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an, Giám đốc Công an tỉnh, thành phố và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

2. Cục trưởng Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng có trách nhiệm theo dõi, đôn đốc, hướng dẫn, kiểm tra thực hiện Thông tư này.

3. Trong quá trình triển khai thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, Công an các đơn vị, địa phương báo cáo về Bộ Công an (qua Cục Cảnh sát quản lý tạm giữ, tạm giam và thi hành án hình sự tại cộng đồng) để hướng dẫn./.

Nơi nhận:

- Các đồng chí Thứ trưởng;
- Viện kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Bộ Quốc phòng;
- Bộ Tư pháp;
- Các đơn vị thuộc cơ quan Bộ Công an;
- Công an các tỉnh, thành phố;
- Công báo;
- Lưu: VT, V03, C11(P5).



BỘ TRƯỞNG

Alman

Đại tướng Lương Tam Quang